

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HSST.

Ngày: 02/8/2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Quý Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Trọng Thơi và ông Châu Đình Ngữ.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án hình sự số 556/TB-TA ngày 21/7/2021, đối với:

Bị cáo Trần Hải A, tên gọi khác: H, sinh ngày 12/3/1993 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn BĐ, xã CH, huyện CL, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trung H, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965; anh chị em ruột: Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; vợ: Đỗ Thị Ngọc M, sinh năm 1996; con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/6/2013, bị Công an huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích” (đã chấp hành xong). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 13/3/2021 cho đến nay tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn BL, xã TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+Chị Đỗ Thị Ngọc M, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn KM, xã HT, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Ông Lê Văn A, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn BL, xã TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Anh Lê Thanh P, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn BL, xã TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Anh Lê Thanh P, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn BL, xã TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn HT, xã PH, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Anh Lê Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 14 đường TT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Ông Đỗ Cao T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn KM, xã HT, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản cáo trạng số 39/CT-VKS-HTh ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Trần Hải A về hành vi phạm tội:

Khoảng 12 giờ ngày 12/3/2021, Trần Hải A điều khiển xe mô tô BKS: 75F1-330.23 và vợ là Đỗ Thị Ngọc M điều khiển xe mô tô BKS: 75D1-237.75, cùng nhau đi vào Huế. Khi đến nhà bà Nguyễn Thị Thúy L tại thôn BL, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; Anh vào nhà bà L để nhờ gửi xe mô tô, rồi đi chung xe với M để về thành phố Huế mua linh kiện sửa chữa xe mô tô. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, M chở Anh quay lại nhà bà L để lấy xe mô tô đã gửi, còn M điều khiển xe mô tô BKS: 75D1-237.75 đi về trước. Khi Anh vào nhà bà L để lấy xe thì thấy bà L đang nằm ngủ, bên cạnh có để 01 túi xách da màu hồng nhạt nên nảy sinh ý định chiếm đoạt; A đến lấy trộm túi xách rồi ra lấy xe mô đi về. Trên đường đi, A kiểm tra bên trong túi xách thấy có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s màu xám, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen bàn phím bấm, 04 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Lê Văn A, Nguyễn Thị Thúy L, Lê Thanh P và Lê Thanh P, 01 thẻ bảo hiểm bưu điện mang tên Lê Thanh Phôn, 02 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn A và Nguyễn Thị Thúy L và số tiền 8.000.000 đồng; A cất tài sản và giấy tờ trên, còn túi xách và sim trong điện thoại Nokia thì vứt bỏ bên đường; rồi điều khiển xe đi về nhà ở Quảng Trị, sau đó A đưa cho M số tiền 4.800.000 đồng và nói số tiền này là do nhặt được. Tại Cơ quan điều tra, A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nói trên.

Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra điều tra thu giữ, gồm:

- 01 xe mô tô BKS: 75F1-330.23;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s màu xám;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen loại phím bấm;
- 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Lê Thanh Phương
- 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Lê Thanh Phôn;
- 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Thị Thúy L;
- 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Lê Văn An;
- 01 thẻ bảo hiểm bưu điện mang tên Lê Thanh Phôn;
- 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn An;
- 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thúy L;
- Số tiền: 2.000.000 đồng (tạm giữ của Trần Hải A).
- Số tiền: 6.100.000 đồng (tạm giữ của Đỗ Thị Ngọc M)

- 01 túi xách da màu hồng nhạt đã qua sử dụng kích thước 15x20 cm, loại có dây đeo.

Hiện Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản là điện thoại, giấy chứng minh, thẻ bảo hiểm, túi xách cho chủ sở hữu, **trả lại số tiền 6.800.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thúy L và trả lại số tiền 1.300.000 đồng cho chị Đỗ Thị Ngọc Mỹ.**

Tại Bản kết luận định giá số: 19 ngày 17/3/2020, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s màu xám (đã qua sử dụng) có giá trị là: 2.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen loại phím cơ (đã qua sử dụng) có giá trị: 100.000 đồng; 01 sim điện thoại (đã qua sử dụng) có giá trị là 0 đồng; 01 túi xách da màu hồng nhạt kích thước 15x20 cm, loại có dây đeo (đã qua sử dụng) có giá trị: 100.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Thúy L đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo Trần Hải A phải bồi thường về dân sự và đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm theo Bản cáo trạng đã truy tố, áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Trần Hải A 07 (Bảy) tới 10 (Mười) tháng tù. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với ½ giá trị chiếc xe mô tô BKS: 75F1-330.23 thuộc phần sở hữu của bị cáo Trần Hải A; Không xem xét về trách nhiệm dân sự; buộc bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thì có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền tiêu xài, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Khoảng 13 giờ ngày 12/3/2021, tại thôn BL, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thôn BL, xã TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế), lợi dụng sự sơ hở của người khác, bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Thúy L với tổng giá trị là: 10.200.000 đồng (mười triệu hai trăm nghìn đồng) nên phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn trên là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi bị cáo gây ra phạm vào khung hình phạt ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh trong xã hội. Bị cáo Trần Hải A là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích” nhưng không tu dưỡng, rèn luyện, rút kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, để giáo dục, đồng thời răn đe phòng ngừa chung và bảo vệ trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, xét cho bị cáo quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của bộ luật Hình sự. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào.

Đối với chị Đỗ Thị Ngọc M quá trình điều tra xác định được chị M hoàn toàn không biết số tiền mà Anh đưa cất giữ là do phạm tội mà có nên không có cơ sở xem xét xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Thúy L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Hiện Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản là điện thoại, giấy chứng minh, thẻ bảo hiểm, túi xách cho chủ sở hữu, **trả lại số tiền 6.800.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thúy L và trả lại số tiền 1.300.000 đồng cho chị Đỗ Thị Ngọc Mỹ** là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô BKS: 75F1-330.23 là tài sản của chung của chị Đỗ Thị Ngọc M và bị cáo A, bị cáo A sử dụng làm phương tiện phạm tội chị Mỹ không biết nên tịch thu ½ giá trị chiếc xe mô tô BKS: 75F1-330.23 để sung công quỹ nhà nước. Hiện vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, theo biên bản giao, nhận vật chứng **ngày 12/06/2021** giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Hải A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Trần Hải A (Tên gọi khác: H) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hải A 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 13/3/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu sung công quỹ nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe mô tô BKS: 75F1-330.23 (phần sở hữu của bị cáo Trần Hải A). Trả lại  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe mô tô BKS: 75F1-330.23 (phần sở hữu của chị Đỗ Thị Ngọc M) cho chị Đỗ Thị Ngọc M.

Hiện vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/06/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Trần Hải A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- CQĐT thị xã Hương Thủy;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- CQ Thi hành án dân sự Hương Thủy;
- CQ Thi hành án hình sự Hương Thủy;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Quý Vân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Các Hội thẩm nhân dânThẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Quý Vân**